Ⅹ. との CÁCH LIÊN HỆ VỚI TRƯỜNG

 Ví dụ 1- Liên lạc vắng mặt bằng cách gọi điện thoại：

TRƯỜNG HỌC: はい、TÊN TRƯỜNG です。

Cha mẹ: CẤP LỚP HỌC のTÊN CON BẠN です。

 　 ① を します。

TRƯỜNG HỌC: おください。

Giáo viên chủ nhiệm: はい、　　① です。

Cha mẹ: TÊN CON BẠNのです、

 、は 　　 ②　　　のでおみします。

 Giáo viên chủ nhiệm: わかりました。おに。

Cha mẹ: ありがとうございました。します。

* 1. TÊN GIÁO VIÊN LỚP
	2. CÁC TRIỆU CHỨNG MÀ CON CÓ　いろいろな

１．が38あります　NETSU GA 38 DO ARIMASU (Con bị sốt 38 độ.)

２．かぜをひいている　KAZE WO HIITEIRU (Con bị cảm.)

３．が 　KIMOCHI GA WARUI (Con cảm thấy không khỏe.)

４．けがをしました　KEGA WO SHIMASHITA (Con bị thương.)

５．おなかがい 　ONAKA GA ITAI (Con bị đau bụng.)

Ví dụ 2- bằng sổ liên lạc (RENRAKU CHO)：

1. からのがかれています。：、の、など

Các liên lạc từ trường sẽ được viết trong sổ, ví dụ như viết bài tập về nhà, thời gian biểu và những thứ cần mang theo cho ngày hôm sau ..v.v

1. がみ、またはをおしましょう。

Phụ huynh sẽ đọc nó và ký tên hoặc đóng dấu (INKAN) mỗi ngày.

1. からのをいて、にえることもできます。：、、、にをませる、

Phụ huynh sẽ sử dụng số này để liên lạc với giáo viên những thông tin như nghỉ học, đi học muộn, nghỉ học sớm, uống thuốc sau bữa ăn trưa, v.v.

1. にやがあればいてもかまいません。

Nếu có thắc mắc hoặc điều gì muốn tư vấn với giáo viên, hãy viết ra sổ.



tháng

ngày

③

④

①

②